

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH NĂM HỌC 2012 - 2013

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
1	KHOA CƠ ĐIỆN: 05 PTN												
	1 PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực	14	24	14	468		7	28	15	321		21	789
	2 PTN Máy và TB Mô	5	18	50	50	135	4	14	28	28	75	9	78
	3 PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử	17	119	104	1904	301	18	126	114	2016	308.75	35	3920
	4 PTN và Xưởng thực tập Hệ thống điện	6	54	72	72	160	5	53	70	70	210	11	142
	5 PTN Tự động hóa	8	40	128	323	200	9	53	190	295	280	17	618
2	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: 01 PTN											0	0
6	PTN Địa tin học	PTN hoạt động liên tục, hết công suất, thống kê riêng										0	0
3	KHOA ĐẠI HỌC ĐẠI CƯƠNG: 02 PTN											0	0
	7 PTN Vật lý		2910			1455		3480			1740		
	8 PTN Hòa học		67	153	4590	1147.5		100	342	6358	1589.5	0	10948
	KHOA ĐẦU KHÍ: 05 PTN											0	0
9	PTN Dầu khí (Work station)	4	18	19	297	89.1	5	83	83	574	172.7	9	871
10	PTN Địa Vật lý	6	6	76	3900	380	9	9	72	3654	360	15	7554



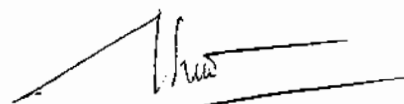
TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
5	KHOA ĐỊA CHẤT: 07 PTN											0	0
	14 Phòng Bảo tàng Địa chất	15	21	46	1325		17	38	55	1016		32	2341
	15 PTN Khoáng sản	6	26	88	1288	480	7	24	54	850	390	13	2138
	16 PTN Địa chất học	21	1036	82	1036	374	2	84	8	84	34	23	1120
	17 PTN Địa kỹ thuật công trình	3	13	40	195		2	6	6	140		5	335
	18 PTN Địa chất Thủy văn	2	7	40	328	95	2	9	136	396	135	4	724
	19 PTN Khoáng thạch	14	23	80	654	282	7	11	32	807	68	21	1461
	20 PTN Nguyên liệu khoáng	Có 07 đề tài nghiên cứu trong năm và PTN hoạt động bình thường											
6	KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH: 01 PTN												
	21 Phòng thực nghiệm QTKD						1	9	9	9	18	1	9
7	KHOA MỎ: 04 PTN												
	22 PTN Khai thác lộ thiên	9	16	16	16	32	0	0	0	0	0	9	16
	23 PTN Khai thác hầm lò	12	60	60	60	60	14	63	63	63	63	26	123
	24 PTN Tuyển khoáng và Môi trường	2	18	60	86	67	3	16	92	44	480	5	130
	25 PTN Cơ học vật liệu và công trình	8	26	26	402	201	10	40	40	603	301.5	18	1005
8	KHOA MÔI TRƯỜNG: 01 PTN											0	0
	26 PTN Địa sinh thái - Môi trường	2	10	30	100	150	2	10	30	100	150	4	200
9	KHOA TRẮC ĐỊA: 09 PTN											0	0
	27 PTN Xử lý số liệu trắc địa (High class)	9		47			4		18			13	
	28 PTN Đo ảnh và Viễn thám	4	15	60	779	420	7	20	138	900	599	11	1679
	29 PTN Công nghệ Bản đồ	35	35	35	35	35	20	20	20	20	20	55	55
	30 Đồ máy trắc địa	28	272	28	1583		18	187	18	480		46	2063
	31 PTN Trắc địa cao cấp	29	29	29	29	87	34	34	34	34	102	63	63
	32 PTN Trắc địa Mô	2	8	10	100	100	22	200	68	860	800	24	960

12/2011
 PHÒNG
 HỌC
 TẬP

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
33	PTN Công nghệ địa chính	3	29	172	171	1032	1	10	56	60	112	4	231
34	PTN Công nghệ mới Trắc địa công trình	6	36	20	298	120	2	8	8	75	48	8	373
35	PTN Bản đồ số địa hình	2	2	24	366	96	4	4	76	792	304	6	1158
	KHOA XÂY DỰNG: 01 PTN											0	0
36	PTN Xây dựng						6	297	210	297	62370	6	297

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2013

Phòng Quản trị - Thiết bị



Phạm Đức Thiên

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH NĂM HỌC 2013 - 2014

[illegible]

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
5	14 Phòng Bảo tàng Địa chất	12	19	58	1648		9	33	66	426		21	2074
	15 PTN Khoáng sản	7	27	170	2635	5350	6	11	42	710	810	13	3345
	16 PTN Địa chất học	21	21	72	1418	467.2	2	2	8	98	39.2	23	1516
	17 PTN Địa kỹ thuật công trình	9	31	90	192		7	21	63	373		16	565
	18 PTN Địa chất Thủy văn	2	10	58	560	140	2	12	40	432	105	4	992
	19 PTN Khoáng thạch	14	19	89	972	274	13	23	148	3560	328	27	4532
	20 PTN Nguyên liệu khoáng	Có 08 đề tài nghiên cứu trong năm và PTN hoạt động bình thường											
6	KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH: 01 PTN												
	21 Phòng thực nghiệm QTKD	5	10	46	46	92							
7	KHOA MÔI: 04 PTN												
	22 PTN Khai thác lộ thiên	7	11	11	11	22	6	12	12	12	24	13	23
	23 PTN Khai thác hầm lò	15	37	37	37	37	17	40	40	40	40	32	77
	24 PTN Tuyển khoáng và Môi trường	2	22		108	108	3	14		40	420	5	148
	25 PTN Cơ học vật liệu và công trình	7	25	25	385	142.5	10	40	40	598	299	17	983
8	KHOA MÔI TRƯỜNG: 01 PTN											0	0
	26 PTN Địa sinh thái - Môi trường	2	8	24	124	72	4	22	66	248	144	6	372
9	KHOA TRẮC ĐỊA: 09 PTN											0	0
	27 PTN xử lý số liệu trắc địa (High class)	5	5	22	31	93	1	1	9	9	36	6	40
	28 PTN Đo ảnh và Viễn thám	3	12	56	672	280	6	32	100	600	500	9	1272
	29 PTN Công nghệ Bản đồ	18	18	18	18	18	14	14	14	14	14	32	32
	30 Hệ máy trắc địa	30	252	30	2000		27	274	27	885		57	2885
	31 PTN Trắc địa cao cấp	38	38	38	38	114	40	40	40	40	120	78	78
	32 PTN Trắc địa Mo	17	117	270	500	500	10	70	120	350	400	27	850
	33 PTN Công nghệ địa chính	4	26	70	160	280	2	14	56	86	224	6	246
	34 PTN Công nghệ mới Trắc địa công trình	3	29	17	179	102	2	15	4	82	24	5	261
	35 PTN Bản đồ số địa hình	2	2	24	366	96	4	4	76	792	304	6	1158

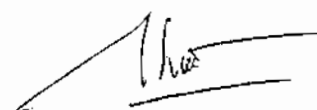
10
TỔNG
HỌC
TRƯỜNG

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
	KHOA XÂY DỰNG: 01 PTN											0	0
36	PTN Xây dựng						6	32	224	319	71456	6	319

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2014

Phòng Quản trị - Thiết bị

Người lập



Phạm Đức Thiên



Nguyễn Thị Thu Hà



THIÊN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH NĂM HỌC 2014 - 2015

[illegible]

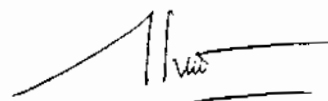
TT		Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
			Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
5	14	Phòng Bảo tàng Địa chất	26	45	57	1492		10	13	13	373		36	1865
	15	PTN Khoáng sản	5	12	72	208	180	20	45	248	695	675	25	903
	16	PTN Địa chất học	26	52	166	6240	575	4	8	64	960	96	30	7200
	17	PTN Địa kỹ thuật công trình	7	35	31	525		13	65	62	970		20	1495
	18	PTN Địa chất Thủy văn	2	10	58	506	140	2	12	40	412	105	4	918
	19	PTN Khoáng thạch	19	34	109	2020	322	5	7	31	281	76	24	2301
	20	PTN Nguyên liệu khoáng	Có 05 đề tài nghiên cứu trong năm và PTN hoạt động bình thường											
6		KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH: 01 PTN											0	0
	21	Phòng thực nghiệm QTKD						6	12	87	87	174	6	87
7		KHOA MỎ: 04 PTN											0	0
	22	PTN Khai thác lộ thiên	6	12	12	12	24	6	12	12	12	24	12	24
	23	PTN Khai thác hầm lò	13	37	37	37	37	17	50	50	50	50	30	87
	24	PTN Tuyền khoáng và Môi trường	2	21	72	98	98	4	20		54	600	6	152
	25	PTN Cơ học vật liệu và công trình	6	24	24	365	1	10	37	37	545	272.5	16	910
8		KHOA MÔI TRƯỜNG: 01 PTN											0	0
	26	PTN Địa sinh thái - Môi trường	2	10	30	157	150	4	22	66	314	330	6	471
9		KHOA TRẮC ĐỊA: 09 PTN											0	0
	27	PTN Xử lý số liệu trắc địa (High class)	8	8	64	90	129	4	4	39	55	117	12	145
	28	PTN Đo ảnh và Viễn thám	8	43	138	828	690	2	4	28	168	140	10	996
	29	PTN Công nghệ Bản đồ	21	21	21	21	21	20	20	20	20	20	41	41
	30	Tổ máy trắc địa	25	243	25	1482		19	168	19	769		44	2251
	31	PTN Trắc địa cao cấp	28	28	28	28	84	29	29	29	29	87	57	57
	32	PTN Trắc địa Mỏ	13	91	173	500	500	10	70	110	270	400	23	770
	33	PTN Công nghệ địa chính	7	32	121	5543	605	1	1	8	32	40	8	5575
	34	PTN Công nghệ mới Trắc địa công trình	3	30	15	190	90	1	8	3	40	20	4	230
	35	PTN Bản đồ số địa hình	2	4	38	1024	152	1	2	20	282	80	3	1306

15/04/2023

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
	KHOA XÂY DỰNG: 01 PTN											0	0
36	PTN Xây dựng	1	16	21	16	8	9	45	280	407	203.5	10	423

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

Phòng Quản trị - Thiết bị


Phạm Đức Thiên

Người lập


Nguyễn Thị Thu Hà



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÒNG QUẢN TRỊ - THIẾT BỊ

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, XỬNG THỰC HÀNH NĂM HỌC 2015 - 2016

TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
1	KHOA CƠ ĐIỆN: 05 PTN												
	1 PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực	8	25	17	314		7	19	12	276		15	590
	2 PTN Máy và TB Mô	3	3	100	1300		3	3	100	1300		6	2600
	3 PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử	17	176	144	3512	439	19	193	144	3844	480.5	36	7356
	4 PTN và Xưởng thực tập Hệ thống điện	7	65	83		285.6	5	55	96		235.4	12	
	5 PTN Tự động hóa	7	38	50	316	118.5	12	71	132	633	207.4	19	949
2	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: 01 PTN											0	0
	6 PTN Địa tin học	PTN hoạt động liên tục, hết công suất, thông kê riêng										0	0
3	KHOA ĐẠI HỌC ĐẠI CƯƠNG: 02 PTN											0	0
	7 PTN Vật lý	62	131	219	6570	1021	20	140	216	6480	951	82	13050
	8 PTN Hóa học		100	164	2460	1230		110	220	3300	1650	0	5760
4	KHOA DẦU KHÍ: 05 PTN											0	0
	9 PTN Dầu khí (Work station)						2	40	29	204	120	2	204
	10 PTN Địa Vật lý	7	28	86	6720	430	7	28	72	3828	360	14	10548
	11 PTN Khoan Khai thác	3			1323		6			400		9	1723
	12 PTN Địa chất Dầu khí	2	9	9		30	3	39	39		120	5	0
	13 PTN Lọc hóa dầu	5	15	73	1138	176	5	15	68	967	205	10	2105
5	KHOA ĐỊA CHẤT: 08 PTN											0	0
	14 Phòng Bảo tàng Địa chất	16	30	30	789		9	13	9	377		25	1166
	15 PTN Khoáng sản	5	12	35	103	180	6	16	41	160	280	11	263
	16 PTN Địa chất học												
	17 PTN Địa kỹ thuật công trình	7	300	52	1800	120	9	450	77	2700	180	16	4500
	18 PTN Địa chất Thủy văn	2	10	58	512	140	3	12	44	405	105	5	917

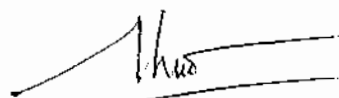


TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
19	PTN Khoáng thạch	16	38	125	2955	250	16	30	107	3072	214	32	6027
20	PTN Nguyên liệu khoáng	Có 09 đề tài nghiên cứu trong năm và PTN hoạt động bình thường											
6	KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH: 01 PTN											0	0
21	Phòng thực nghiệm QTKD	6	12	61	61	122	2	4	12	12	24	8	73
	KHOA MÔ: 04 PTN											0	0
22	PTN Khai thác lộ thiên	6	12	12	12	24	6	12	12	12	24	12	24
23	PTN Khai thác hầm lò	16	37	37	37	37	17	42	42	42	42	33	79
24	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	3	26	85	112	84	5	49	87	58	570	8	170
25	PTN Cơ học vật liệu và công trình	6	23	23	352	132	10	37	37	565	211.87	16	917
8	KHOA MÔI TRƯỜNG: 01 PTN											0	0
26	PTN Địa sinh thái - Môi trường	2	13	39	195	195	6	32	96	512	480	8	707
	KHOA TRẮC ĐỊA: 09 PTN											0	0
27	PTN xử lý số liệu trắc địa	4	4	12	48	96	4	4	4	16	32	8	64
28	PTN Đo ảnh và Viễn thám	5	30	146	720		2	4	28	315		7	1035
29	PTN Công nghệ Bản đồ	28	28	28	28	28	31	31	31	31	31	59	59
30	Tổ máy trắc địa	27	293	27	1380		20	176	20	794		47	2174
31	PTN Trắc địa cao cấp	14	14	14	463	56	10	10	10	390	37	24	853
32	PTN Trắc địa Mô	13	102	250	500	500	10	80	200	400	400	23	900
33	PTN Công nghệ địa chính	3	25	94	158		2	2	22	7		5	165
34	PTN Công nghệ mới Trắc địa công trình	3	18	15	180	90	5	30	7	260	42	8	440
35	PTN Bản đồ số địa hình	4	8	44	204	240	2	4	48	64	60	6	268
	KHOA XÂY DỰNG: 01 PTN											0	0
36	PTN Xây dựng	1	2	14	105	56	10	38	266	2807	1064	11	2907
37	TT phân tích thí nghiệm công nghệ cao	3	5	37	111	33.3	3	5	39	117	35.1	6	234.3

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2016

Phòng Quản trị - Thiết bị

Người lập



Phạm Đức Thiện



Nguyễn Thị Thu Hà



HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH NĂM HỌC 2016 - 2017

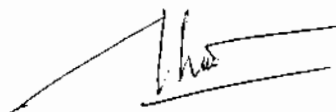
TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
1	KHOA CƠ ĐIỆN: 05 PTN												
	1 PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực	8	34	17	202	120	6	16	8	320	90	14	522
	2 PTN Máy và TB Mô	5	18	50	50	135	4	14	28	28	75	9	78
	3 PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử	14	188	219	2635	282.4	17	225	262	3153	337.9	31	5788
	4 PTN và Xưởng thực tập Hệ thống điện	7	56	84	84	330	6	48	72	72	120	13	156
	5 PTN Tự động hóa	5	25	50	391	135	8	50	90	719	206	13	1110
2	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: 01 PTN											0	0
	6 PTN Địa tin học	PTN hoạt động liên tục, thống kê riêng										0	0
3	KHOA ĐẠI HỌC ĐẠI CƯƠNG: 02 PTN											0	0
	7 PTN Vật lý	43	126	200	6000	832.5	20	123	194	5820	798.8	63	11820
	8 PTN Hóa học	18	50	150	1488	558	32	122	366	3660	653.25	50	5148
4	KHOA DẦU KHÍ: 05 PTN											0	0
	9 PTN Dầu khí - KTN	30	20	20	163	48.9	1	28	28	133	40	31	296
	10 PTN Địa Vật lý	9	9	395	4292	635	4	4	187	1938	185	13	6230
	11 PTN Khoan Khai thác	2			968		3			1785		5	2753
	12 PTN Địa chất Dầu khí	2	51	51	181		2	26	26	150		4	331
	13 PTN Lọc hóa dầu	4	12	38	878	134	5	15	47	1248	192	9	2126
5	KHOA ĐỊA CHẤT: 08 PTN											0	0
	14 Phòng Bảo tàng Địa chất	21	43	43	803		11	24	24	497		32	1300
	15 PTN Khoáng sản	5	10	50	740	150	8	22	94	1803	284	13	2543
	16 PTN Địa chất học	16	16	70	1312	144	2	2	8	70	8	18	1382
	17 PTN Địa kỹ thuật công trình	9	22	142	1172	306.5	14	35	87	825	78.2	23	1997
	18 PTN Địa chất Thủy văn	4	6	50	351	15	2	2	10	60		6	411
	19 PTN Khoáng thạch	14	26	52	741	102	20	33	90	905	175	34	1646
	20 PTN Nguyên liệu khoáng	Có 10 đề tài nghiên cứu trong năm và PTN hoạt động bình thường											



TT	Tên PTN	Học kỳ I					Học kỳ II					Tổng số lớp TN	Tổng số lượt SV TN
		Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN	Tổng số lớp TN	Tổng số nhóm SV TN	Tổng số buổi TN	Tổng số lượt SV TN	Tổng số tiết TN		
6	KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH: 01 PTN											0	0
	21 Phòng thực nghiệm QTKD	4	10	126	10	195	3	5	39	5	180	7	15
	KHOA MỎ: 04 PTN											0	0
7	22 PTN Khai thác lộ thiên	6	12	12	12	24	6	12	12	12	24	12	24
	23 PTN Khai thác hầm lò	3	8	8	8	8	18	38	38	38	38	21	46
	24 PTN Tuyền khoáng và Môi trường	4	43	5	215	161.2	6	12	42	24	360	10	239
	25 PTN Cơ học vật liệu và công trình	6	23	46	303	113.625	10	41	82	816	306	16	1119
8	KHOA MÔI TRƯỜNG: 01 PTN											0	0
	26 PTN Địa sinh thái - Môi trường	2	12	36	124	180	8	40	120	400	600	10	524
	KHOA TRẮC ĐỊA: 09 PTN											0	0
	27 PTN xử lý số liệu trắc địa (High class)		10	22	44	68		8	25	31	80		75
	28 PTN Đo ảnh và Viễn thám	6	4	120		250	2	4	60		100	8	0
	29 PTN Công nghệ Bản đồ	34	34	34	34	34	12	12	12	12	12	46	46
9	30 Tô máy trắc địa	28	162		1178		18	106		819		46	1997
	31 PTN Trắc địa cao cấp	11	11	18	231	72	25	25	60	658	256	36	889
	32 PTN Trắc địa Mỏ	14	114	40	800	500	6	24	20	150	200	20	950
	33 PTN Công nghệ địa chính	3	18	122	108	1342	2	15	44	87	484	5	195
	34 PTN Công nghệ mới Trắc địa công trình	3	30	15	180	90	5	45	9	260	54	8	440
	35 PTN Bản đồ số địa hình	2	4	24	1416	120	4	4	52	1560	260	6	2976
	KHOA XÂY DỰNG: 01 PTN											0	0
	36 PTN Xây dựng						8	42	294	385	11438	8	385
	TT phân tích thí nghiệm công nghệ cao	4	25	42	160	48	3	23	48	111	33.3	7	221

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Phòng Quản trị - Thiết bị



Phạm Đức Thiên

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

SỔ NHẬT KÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên phòng thí nghiệm: TĐĐ
Cán bộ phụ trách PTN: Ng. H.
Khoa: Trần Thị - Ban' ds - và Q.LĐH
Bộ môn: TĐĐ

Năm 20 17 - 2018

I. NHẬT KÝ

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
Hai	12/2/18	Sáng	TĐA K58	15	Huy	Đo sâu hươu	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐA K58	15	Tuan	— " —	<u>N.V</u>
Ba	13/2/2018	Sáng	TĐA K58	15	Huy	Xử lý dữ liệu	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐA K58	15	Tuan	— " —	<u>N.V</u>
Tư	14/2/2018	Sáng	TĐB K58	15	Lam	Đi sâu hươu ở V xây dựng	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐB K58	15	Lam	— " —	<u>N.V</u>
Năm	15/2/2018	Sáng	TĐB K58	15	Lam	Thức 15' trước 'tuyệt'	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐB K58	15	Lam	— " —	<u>N.V</u>
Sáu	16/2/2018	Sáng	TĐC K58	15	Tuan	Đo sâu hươu	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐC K58		Huy	— " —	<u>N.V</u>
Bảy	17/2/18	Sáng	TĐC K58		Tuan	Xử lý dữ liệu qt hươu	<u>N.V</u>
		Chiều	TĐC K58		Huy	— " —	<u>N.V</u>

AT KÝ

Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
19/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Đo sâu hơn âm	Trần T. Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh
20/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Xử lý hình ảnh	Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh
21/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Xử lý hình ảnh	Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh
22/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Xử lý hình ảnh	Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh
23/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Thử nghiệm	Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh
24/2/18	Sáng	TĐĐ K58	15	Công	Đo sâu hơn âm	Linh
	Chiều	TĐĐ K58	15	Công	— / —	Linh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HÀ NỘI**

SỔ NHẬT KÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Trắc địa cao cấp
Cán bộ phụ trách PTN: ThS. Vũ Đình Toàn
Khoa: Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai
Bộ môn: Trắc địa cao cấp

Năm 2016-2017

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	30/9/2016	Sáng	TC DC 58	07	<i>Đinh Thị Hoa</i>	Kiểm tra thực tập GPS	<i>Nguyễn Văn Lâm</i>
		Chiều					
BA	11/11 đến 13/11 năm 2016 (Thứ Sáu đến Chủ nhật)	Sáng					
		Chiều Tối	Cao học KT TD-BĐ K33	21 học viên		Học học phần Định vị không gian	GV phụ trách <i>Đinh Văn Trí</i>
TƯ	16/11/2016	Sáng	TC TD K 57	33	<i>Đinh Thanh Tâm</i>	Phổ biến kế hoạch Thực tập ĐCC	<i>Đinh Hồng Thủy</i>
		Chiều	Sáng (9h - 10h30) NCS 2015-2016	03 NCS	<i>Phạm Văn Tuấn</i>	Thi học phần ở trường đại học Thuận văn đồ luận học tại	GV phụ trách <i>Đinh Văn Trí</i>
NAM CN	20/11/2016	Sáng	Cao học TD-BĐ K33	21	<i>Nguyễn Hoàng Thị Lương</i>	Định vị không gian	<i>Nguyễn Văn Sáng</i>
		Chiều					
SÁU	18/11 2016	Sáng					
		Chiều Tối	Cao học TD-BĐ K33	21	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Định vị không gian	<i>Nguyễn Văn Sáng</i>
BẢY	19/11/2016	Sáng					
		Chiều	Cao học TD-BĐ K33	21	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Định vị không gian	<i>Nguyễn Văn Sáng</i>
		Tối	TĐ-BĐ K33	21	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Định vị không gian	<i>Nguyễn Văn Sáng</i>

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI		Sáng					
		Chiều					
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ	23/11/2011	Sáng	KTĐT 58C			Xử lý số liệu GNSS	Đỗ Nguyễn Đức
		Chiều					
NĂM	29/11/2016	Sáng					
		Chiều	ĐH A K58	57	Manh Lê Văn Mạnh	Xử lý số liệu GNSS	Ulanh Phan Thanh Bình
SÁU	9/12/2016	Sáng	Tại chui K57		Ulanh Vũ Văn Trung	Thực tập GPS (nội nghiệp)	Ulanh Phan Thanh Bình
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

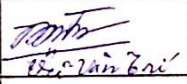
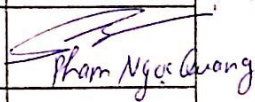
I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	05/12/2016	Sáng					
		Chiều	TC-K57	33	<i>Đạt</i> Nguyễn Thanh Tân	Hướng dẫn thực tập GPS	<i>Thư</i> Nguyễn Văn Lâm
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ	07/12/2016	Sáng	TC-K57	33	<i>Đạt</i> Nguyễn Thanh Tân	Thực hành xử lý số liệu GPS	<i>Thư</i> Nguyễn Văn Lâm
		Chiều					
NHÂN	15/12/2016	Sáng	TC-K57	31	<i>Đạt</i> Nguyễn Văn Lâm	Kiểm tra thực hành xử lý số liệu GPS	<i>Thư</i> Nguyễn Văn Lâm
		Chiều					
SÁU	28/12/2016	Sáng	Nhóm NCKH-SV (2 nhóm) K57, K59	02+02	<i>Đạt</i> Nguyễn Minh Hoàng	Thảo luận nội dung làm việc theo đề tài của nhóm	<i>Đạt</i> "Đạt Văn Bảo"
		Chiều			<i>Đạt</i> Đào Văn Bảo		
BẢY		Sáng					
		Chiều					

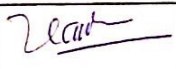
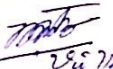
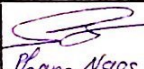
I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI		Sáng					
		Chiều					
BA	2/1/2017	Sáng	Địa chất K57	38	Báo	Phổ biến kế hoạch Thực tập TĐCC	Đặng Hồng Thủy
		Chiều					
TƯ	4/1/2017	Sáng					
		Chiều	Trắc Địa A+B K58	60	Anh	Thực hành đo GPS	Đỗ Văn Ngọc Quang
NĂM	5/1/2017	Sáng	Trắc địa G K58.	2	Tâm	Trào đổi từ tài nlc K14	
		Chiều					
SÁU		Sáng					
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	09/01/2017	Sáng					
		Chiều	14 ³⁰ - 15 ³⁰	01	Bác Tạ Văn Bảo	Nội dung Báo cáo của 2 nhóm NC K14 số 02	 Phan Văn Bảo
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM		Sáng					
		Chiều					
SÁU		Sáng					
		Chiều					
BẢY	14/1/2017	Sáng	TD A0558 08 ³⁰ - 11 ³⁰	60	Cường Xê Xuân Cường	Thử hành xử lý số liệu GPS	 Phạm Ngọc Dương
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	16/1.	Sáng	Ban đồ K55	40	Hùng Lê Thanh Hùng	Phục tập GP S.	
		Chiều 15h30 - 16h45	Nhóm SV NCKH K57, K59	02	Hùng Nguyễn Minh Hoàng	Triển khai nội dung thí nghiệm của nhóm.	 Lê Văn Đức
BA		Sáng	Ban đồ K59	40	Hùng Lê Thanh Hùng	Thực hành, Hướng dẫn Đo GP S	
		Chiều					
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM		Sáng					
		Chiều					
SÁU		Sáng					
		Chiều	Ban đồ K59	40	Hùng Lê Thanh Hùng	Thực hành GP S	 Phạm Ngọc Dương
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	20/02/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC58HN	23	<i>Nguyen Nhat Huong</i>	Dinh vi Vê tinh + BTL	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
BA	21/02/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC58HN	23	<i>Nguyen Nhat Huong</i>	Dinh vi Vê tinh + BTL	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
TU	22/02/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC58HN	23	<i>Nguyen Nhat Huong</i>	Dinh vi Vê tinh + BTL	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
NĂM	23/02/2017	Sáng					
		Chiều	TC58HN	23	<i>Nguyen Nhat Huong</i>	Dinh vi Vê tinh + BTL	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
SÁU	24/2/2017	Sáng	K57, 58, 59	25+2		Yếu thảo Công nghệ trạm CORS và ứng dụng	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
		Chiều Tối	TC58HN	23	<i>Nguyen Nhat Huong</i>	Dinh vi Vê tinh + BTL	<i>Pham Ngoc Quyen</i>
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	27/02/2017	Sáng					
		Chiều 7h30	TC58HN	23	<i>Nguyễn Ngọc Dương</i>	Định vị vệ tinh + BTL	<i>Tham Ngọc Dương</i>
BA	28/02/2017	Sáng					
		Chiều 7h30	TC58HN	23	<i>Nguyễn Ngọc Dương</i>	Định vị vệ tinh + BTL	<i>Tham Ngọc Dương</i>
TU	01/03/2017	Sáng					
		Chiều 7h30	TC58HN	23	<i>Nguyễn Ngọc Dương</i>	Định vị vệ tinh + BTL	<i>Tham Ngọc Dương</i>
NĂM	02/03/2017	Sáng					
		Chiều	TC58HN	23	<i>Nguyễn Ngọc Dương</i>	Định vị vệ tinh + BTL	<i>Tham Ngọc Dương</i>
SÁU	01/3/2017	Sáng 10h - 11h	Trắc địa SDA	02	<i>Bảo Tạ Văn Bảo</i>	Truyền khai Nội Dung N.C.K.H.S.V	<i>Trần Văn Bảo</i>
		Chiều					
NĂM BẢY	02/3/2017	Sáng					
		Chiều 13h	TUCKON5	01	<i>Lời Phạm Văn Lời</i>	Phi cải thiện môn đượt	<i>Nguyễn Văn Lời</i>

T KỶ

Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
$\frac{13}{3}$ 17	Sáng					
	Chiều 14 ^h - 15 ^h	TD 57B TD 59A	02 (Hai)	Hoang Nguyễn Minh Hoàng	Triển khai nội dung NCKHSV nhóm 2	 Vũ Văn Bội
	Sáng					
	Chiều					
	Sáng					
	Chiều					
	Sáng					
	Chiều					
$\frac{17}{3}$ 2017	Sáng 9 ^h - 10 ^h	Trắc địa 59A	01 (Một)	Phan Tô Văn Bảo	Triển khai nội dung NCKHSV nhóm 01	 Vũ Văn Bội
	Chiều 14 ^h 30 - 15 ^h 30	TD 57B TD 59A	03 (Ba)	Hoang Nguyễn Minh Hoàng	Triển khai nội dung NCKHSV nhóm 02	 Vũ Văn Bội
	Sáng					
	Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	3/4/2017	Sáng	CA TĐ K 59	26	Lam.	Phổ biến Thước tập TĐCC 2 tuần	Phan Đ Hồng Thủy
		Chiều	TĐ B K 57	01	Hương Nguyễn Minh Hằng	Triển khai nội dung NCKH sinh viên	Phan Vũ Văn Búi
BA		Sáng					
		Chiều	TĐ C TCK59+60HN	33	Hương Ng.V. Hào	Học môn xây dựng lưới	Phan Ngọc Quang
TƯ	05/04/2017	Sáng 8h30' - 9h30'	Trắc địa A K 59	02	Hương Tạ Văn Báo	Triển khai ND.NCKH Sinh viên	Phan Vũ Văn Búi
		Chiều	TĐ C TCK59+60HN	33	Hương Ng.V. Hào	Học môn xây dựng lưới	Phan Ngọc Quang
NĂM		Sáng					
		Chiều					
SÁU	07/04/2017	Sáng					
		Chiều 14h - 16h	TĐ A K 59+K57B	04	Hương Nguyễn Minh Hằng	Triển khai ND.NCKH sinh viên	Phan Vũ Văn Búi
BẢY	07/04/2017	Sáng	TĐ C TCK59+60HN	33	Hương Ng.V. Hào	Học môn xây dựng lưới	Phan Ngọc Quang
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	10/04/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang
BA	11/04/2017	Sáng			Phạm Ngọc Quang		
		Chiều Tối	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang
TƯ	12/04/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang
NHÂN	13/04/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang
SÁU	14/04/2017	Sáng					
		Chiều Tối	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang
BẢY	15/04/2017	Sáng					
		Tối Chiều	TC K59+60HN	33	Phạm Ngọc Quang	Học môn xây dựng cầu	Phạm Ngọc Quang

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI		Sáng					
		Chiều					
BA	18/4	Sáng	Cao đẳng TĐ K59	27	Lam Nguyễn TT. Lam	Phức tạp GPS.	<u>Uen</u>
		Chiều					
TƯ	18/4	Sáng	CĐ Quốc gia K59	27	Lam Nguyễn TT. Lam	Phức tạp GPS với ứng dụng	<u>Uen</u>
		Chiều					
NĂM	20/4	Sáng	CĐ Quốc gia K59	27	Lam Nguyễn TT. Lam	Phức tạp GPS với ứng dụng	<u>Uen</u>
		Chiều	CĐ TĐ K59	27	Lam Nguyễn TT. Lam	Phức tạp GPS với ứng dụng	<u>Uen</u>
SÁU	19/05	Sáng					
		Chiều	TĐ 39 B		Hùng Nguyễn Hùng	Sinh hoạt lớp	<u>Phạm Ngọc Hùng</u>
BẢY	20/5	Sáng	Cao học K34 B	17	<u>Sgllhang</u>	Định vị không gian	<u>Phạm Ngọc Hùng</u>
		Chiều	Cao học K34 B	17	<u>Sgllhang</u> Nguyễn Đức Mạnh	Định vị không gian	<u>Nguyễn Văn Sáng</u>
CH	21/5		CH K34 B	17	<u>Sgllhang</u>	Định vị không gian	<u>Phạm Ngọc Hùng</u>

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HÀ NỘI**

SỔ NHẬT KÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Công nghệ Bản đồ
Cán bộ phụ trách PTN: Phạm Văn Hiệp
Khoa: Trắc địa-Bản đồ và Quản lý đất đai
Bộ môn: Bản đồ

Năm 2016

L. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của nhóm 01	Trưởng nhóm (kỹ, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (kỹ, ghi rõ họ tên)
HAI	12/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Huỳnh L T Huỳnh		AT TQ An
		Chiều					
BA		Sáng					
		Chiều					
TU	14/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Huỳnh L T Huỳnh		AT TQ An
		Chiều					
NĂM	15/9/2016	Sáng	DC TD B058	39	Huỳnh.		AT TQ An
		Chiều					
SÁU	16/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Huỳnh L T Huỳnh		AT TQ An
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

Thứ	Ngày	Thời gian	Lớp,	Số sinh viên của nhóm	Trưởng nhóm (kỳ, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (kỳ, ghi rõ họ tên)
HAI	19/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hường L.T.Hường	Cao phương pháp sử dụng BD	AT TA An
		Chiều					
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ	21/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hường L.T.Hường	UD tin học hàng tk & H bán đt	AT TA An
		Chiều					
NAM	22/9/2016	Sáng	BD 58	33	Hưng.	Bản đồ địa lý dùng & dụng cụ	AT TA An
		Chiều					
SÁU	23/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hường L.T.Hường	Cao phương pháp sử dụng BD	AT TA An
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của nhóm 01	Trưởng nhóm (kỹ, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (kỹ, ghi rõ họ tên)
HAI	26/9/2016	Sáng	TU CHON 5 OCTD8058	39	Hùng.	Bản đồ chuyển đổi + DA	Alfred, Tao
		Chiều					
		Sáng					
BA		Chiều					
		Sáng					
		Chiều					
TỨ	28/9/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hùng L.T.Hùng	Các phương pháp SD BD	Star Tao
		Chiều					
		Sáng	BD 58	39	Minh	Các phương pháp SD BD	Alfred, Tao
NĂM	29/9/2016	Chiều					
		Sáng	TU CHON 5 OCTD8058	39	Minh.	Trình bày bản đồ	Alfred, Tao
		Chiều					
SÁU	30/9/2016	Sáng					
		Chiều					
		Sáng					
BAY		Chiều					
		Sáng					
		Chiều					

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	3/10/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hường L. THƯỜNG	Cải lương Pháp SD	AT Ta An
		Chiều					
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ	5/10/2016	Sáng	TU CHON 5 060101058	60 54	Hùng	Ứng dụng tin học trong kế toán	AT Ta An
		Chiều					
NAM	6/10/2016	Sáng	RD 58	39	Hùng	Bản đồ địa lý chung	AT Ta An
		Chiều					
SÁU	7/10/2016	Sáng	TU CHON 5	60	Hường L. THƯỜNG	Cải lương Pháp SD	AT Ta An
		Chiều					
BAY		Sáng					
		Chiều					

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (kỹ, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (kỹ, ghi rõ họ tên)
HAI	10/10/2016	Sáng	FACTHON5 ĐCDBD58	6037	Huỳnh	Tính băng băng từ	Quỳnh Anh
		Chiều					
BA		Sáng					
		Chiều					
TƯ	12/10/2016	Sáng	TU CHON5	60	Huỳnh L.T. Huỳnh	Các phương pháp SD BD	Đu TAM
		Chiều					
NAM	13/10/2016	Sáng	ĐD58	39	Huỳnh.	Bản đồ địa lí chung 1	Phạm Văn Hiệp
		Chiều					
SÁU	14/10/2016	Sáng	TU CHON5	60	Huỳnh L.T. Huỳnh	Các phương pháp SD BD	Đu TAM
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm
HAI		Sáng				
		Chiều				
BA	1/11/2016	Sáng	QLĐĐ 60	40	Phu	Vẽ các đồ thị từ đây đến
		Chiều				
TƯ		Sáng				
		Chiều				
NĂM		Sáng				
		Chiều				
SÁU	4/11/2016	Sáng	QLĐĐ 60	40	Phu	Vẽ các đồ thị từ đây đến
		Chiều				
BẢY		Sáng				
		Chiều				

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

SỔ NHẬT KÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên phòng thí nghiệm: ...Ban đồ mỏ địa chất.....
Cán bộ phụ trách PTN: ...Hoàng Thị Thủy.....
Khoa: Trắc địa - bản đồ và Quản lý đất đai.....
Bộ môn: Trắc địa thông tin và Sạc mỏ.....

Năm 2017 - 2018

I. NHẬT KÝ

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
Hai		Sáng					
		Chiều					
Ba		Sáng					
		Chiều					
Tư	6/12/2017	Sáng					
		Chiều	TP K58	39	<i>mmmm</i>	Thực hành kết nối RTK	Manh
Năm		Sáng					
		Chiều					
Sáu	8/12/2017	Sáng					
		Chiều	TP K58	39	<i>mmmm</i>	Đo vẽ bản đồ kỹ thuật đo RTK	Manh
Bảy		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
Hai	18/12/2017	Sáng	ĐK58	40 ^{8v} 4 nhóm	mmz	Đo lưới KC kỹ cđnghe GPS	Mạnh
		Chiều					
Ba	19/12/2017	Sáng	ĐK58	20	mmz	Đo lưới KC	Mạnh
		Chiều		20			
Tur	20/12/2017	Sáng	ĐK58	20	mmz	Đo lưới KC	Mạnh
		Chiều		20			
Năm	21/12/2017	Sáng	ĐK58	20	mmz	Đo lưới KC	Mạnh
		Chiều		?			
Sáu	22/12/2017	Sáng	ĐK58	20	mmz	Đo chi tiết kỹ cđnghe RTK	Mạnh
		Chiều		20			
Bảy	23/12/2017	Sáng	ĐK58	20	mmz	Đo chi tiết kỹ cđnghe RTK	Mạnh
		Chiều		20			

I. NHẬT KÝ

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
Hai	25/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Đo lực uốn bệ công nghệ RTK	Mạnh
		Chiều		20			
Ba	26/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Đo lực uốn bệ công nghệ RTK	Mạnh
		Chiều		20			
Tư	27/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Đo lực uốn bệ công nghệ RTK (đo bổ sung)	Mạnh
		Chiều		20			
Năm	28/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Trượt tải liên tục thiết bị đo	Mạnh
		Chiều		20			
Sáu	29/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Biên tập báo đồ án xử lý số liệu	Mạnh
		Chiều		20			
Bảy	30/12/2017	Sáng	TK58	20	mmz	Ktra, nộp báo cáo	Mạnh
		Chiều		20			

NHẬT KÝ

Thứ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 1 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài Thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
Hai	12/3/2018	Sáng	CHK34	01	Thy Lê Huy Thông	Đo lưới K/c bộ máy GNSS RT	
		Chiều					
Ba	13/3/2018	Sáng	CHK34	01	Thy Lê Huy Thông	Đo lưới K/c bộ máy GNSS RT	
		Chiều					
Tư	14/3/2018	Sáng	CHK34	01	Thy Lê Huy Thông	Đo chi tiết bộ kỹ thuật RTK	
		Chiều					
Năm	15/3/2018	Sáng	CHK34	01	Thy Lê Huy Thông	Trắc và xử lý số liệu	
		Chiều					
Sáu	16/3/2018	Sáng	CHK34	01	Thy Lê Huy Thông	Biên tập bản đồ	
		Chiều					
Bảy		Sáng					
		Chiều					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

SỔ NHẬT KÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên phòng thí nghiệm: Mô hình vật liệu tương đương

Cán bộ phụ trách PTN: GVC.TS Vương Trọng Kha

Khoa: Trắc địa

Bộ môn: Bộ môn Trắc địa Mỏ

Năm 2015 -2016

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ NHẬT KÝ PTN

1. Đầu năm học các đơn vị sẽ nhận sổ nhật ký PTN tại phòng Quản trị - Thiết bị từ ngày 15/8 đến 25/8.
2. Các đơn vị tiến hành ghi sổ nhật ký PTN theo các nội dung biểu mẫu có sẵn.
3. Yêu cầu các đơn vị cập nhật đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động thực tế của PTN (thông tin về thời gian, tên bài thí nghiệm, có đầy đủ chữ ký của sinh viên và giáo viên hướng dẫn...).
4. Cuối năm học, trưởng các PTN và lãnh đạo các bộ môn, các khoa chủ quản tổng hợp tình hình hoạt động của PTN, tự đánh giá tình hình hoạt động của PTN, đề xuất kiến nghị, sau đó gửi lên phòng Quản trị - Thiết bị để tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu. Thời gian nộp sổ nhật ký PTN cho phòng Quản trị - Thiết bị từ ngày 20/6 đến 30/6.

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	7/9/2015	Sáng	DCTDM 57	60		Giải thiêu môn học: Trắc địa phổ biến đồ	Nguyễn Xuân Hùng
		Chiều					Chợ
BA	2/9/2015	Sáng	CCDC DC 58	60		Giải thiêu môn học: Trắc địa phổ thông + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều	DC TDTM 56	60		GT MH: Tin học ứng dụng	Phạm Công Phát
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM	10/9/2015	Sáng	DCTDM 57	60		Thiên Anai bài giảng	Nguyễn Xuân Hùng
		Chiều	CCDC DC 58	60		MH: Trắc địa phổ thông + TT	Võ Ngọc Dũng
SÁU	11/9/2015	Sáng					
		Chiều	DCTDM 56	60		MH: Tin học ứng dụng	Phạm Công Phát
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	14/9/2015	Sáng	DCTDTM 57	60		Trên khai môn học Trắc địa Núi hiểm lộ	Nguyễn Xuân Thủy
		Chiều					Nguyễn Xuân Thủy
BA	15/9/2015	Sáng	CCDC DC 58	60		MH: Trắc địa Phổ thông+TT	Võ Ngọc Dung
		Chiều	DCTDTM 56	60		MH: Tin học ứng dụng TDM	Phạm Công Khanh
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM	17/9/2015	Sáng	DCTDTM 57	60		Trên khai môn học Trắc địa Núi hiểm lộ	Nguyễn Xuân Thủy
		Chiều	CCDC DC 58	60		MH: Trắc địa Phổ thông+TT	Võ Ngọc Dung
SÁU	18/9/2015	Chiều Sáng	DCTDTM 56	60		MH: Tin học ứng dụng TDM	Phạm Công Khanh
		Chiều Sáng					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	21/9/2015	Sáng	DCITM57	60		Trên khai môn học: Trắc địa mỏ hầm lò	Nguyễn Xuân Thụy Võ Ngọc Dũng
		Chiều	CCDC DC 58 ↓	60 ↓		MH: TD Phổ thông + TT ↓	
BA	22/9/2015	Sáng					
		Chiều	DCITM 56	60		MH: Tin học ứng dụng TMM	Phạm Công Khanh
TU		Sáng					
		Chiều					
NĂM	24/9/2015	Sáng	DCITM57	60		Trên khai môn học: Trắc địa mỏ hầm lò	Nguyễn Xuân Thụy Võ Ngọc Dũng
		Chiều	CCDC DC 58	60		MH: TD Phổ thông + TT	
SÁU	25/9/2015	Sáng					
		Chiều	DCITM56	60		MH: Tin học ứng dụng TMM	Phạm Công Khanh
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	28/9/2015	Sáng	DCDTM57	60		Thiên Khai môn học Trắc địa Mỏ hầm lò	Nguyễn Xuân Thụy
		Chiều	CCDCDC58 ↓	60 ↓		NH: TĐ Phố Thông + TT ↓	Võ Ngọc Dũng
BA	29/9/2015	Sáng					
		Chiều	DCDTM56	60		NH: Tin học ứng dụng TĐM	Phạm Công Khanh
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM	11/10/2015	Sáng	DCDTM57	60		Thiên Khai môn học Trắc địa mỏ hầm lò	Nguyễn Xuân Thụy
		Chiều	CCDCDC58	60		NH: TĐ Phố Thông + TT	Võ Ngọc Dũng
SÁU	21/10/2015	Sáng		60			
		Chiều	DCDTM56	60		NH: Tin học ứng dụng TĐM	Phạm Công Khanh
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	5/10/2015	Sáng	DCJDTM 57	60		Trên Phai môn học Trắc địa Vũ hiểm lộ	Nguyễn Xuân Thụy
		Chiều	CCDCDC 58 ↓	60 ↓		MH: Tô Phô thông + TT ↓	Võ Ngọc Dung
BA	6/9/2015	Sáng					
		Chiều	DCJDTM 56	60		MH: Tin học ứng dụng	Phạm Công Khanh
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM	8/10/2015	Sáng	DCJDTM 57	60		Trên Phai môn học Trắc địa Vũ hiểm lộ	Nguyễn Xuân Thụy
		Chiều	CCDCDC 58	60		MH: Tô Phô thông + TT	Võ Ngọc Dung
SÁU	9/10/2015	Sáng					
		Chiều	DCJDTM 56	60		MH: Tin học ứng dụng	Phạm Công Khanh
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	24/10/2015	Sáng	DCITDM57	60		Trần Khai môn học TD Mô hình Lo	Nguyễn Xuân Huy
		Chiều					Nguyễn Xuân Huy
BA	13/10/2015	Sáng	CCDC DC 58	60		MH: TD Phổ thông + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều	DCITDM56	60		MH: Tin học ứng dụng TDM	Phạm Công Khanh
TƯ		Sáng					
		Chiều					
NĂM	15/10/2015	Sáng	DCITDM57	60		Trần Khai MH TD Mô hình Lo	Nguyễn Xuân Huy
		Chiều	CCDC DC 58	60		MH: TD Phổ thông + TT	Võ Ngọc Dũng
SÁU	16/10/2015	Sáng					
		Chiều	DCITDM56	60		MH: Tin học ứng dụng TD-M	Phạm Công Khanh
BẢY		Sáng					
		Chiều					

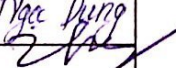
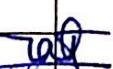
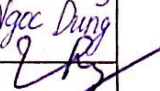
I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	2/11/2015	Sáng	DCTDTM57	60		Trên khai môn học Trước giờ Mò hình 50	Nguyễn Xuân Thủy
		Chiều	DCTDTM57	60		Trên khai môn học Tổng ans chuyên ngành	Nguyễn Quốc Long
BA	3/11/2015	Sáng	CCDCDC58	60		MH: TD Phố thông + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều					
TƯ	4/11/2015	Sáng					
		Chiều	DCTDTM57	60		Trên khai môn học Tổng ans chuyên ngành	Nguyễn Quốc Long
NHAM	5/11/2015	Sáng	DCTDTM57	60		Trên khai môn học Trước giờ Mò hình 50	Nguyễn Xuân Thủy
		Chiều	CCDCDC58	60		MH: TD Phố thông + TT	Võ Ngọc Dũng
SÁU		Sáng					
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	16/11/2015	Sáng	DCDTM 57	60		Trần Khai môn học Trắc địa Mô hình đồ	Nguyễn Xuân Phụng
		Chiều	DCDTM 57	60		Trần Khai môn học Trắc địa chuyên ngành	Nguyễn Quốc Long
BA	17/11/2015	Sáng	CCDC DC 58	60		NH: ĐPT + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều					
TƯ		Sáng					
		Chiều	DCDTM 57	60		Trần Khai môn học Trắc địa chuyên ngành	Nguyễn Quốc Long
NĂM	19/11/2015	Sáng	DCDTM 57	60		Trần Khai môn học Trắc địa Mô hình đồ	Nguyễn Xuân Phụng
		Chiều	CCDC DC 58	60		NH: ĐPT + TT	Võ Ngọc Dũng
SÁU		Sáng					
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	7/12/2015	Sáng	~~TD DCTDTM57~~				
		Chiều	DCTDTM57	60		MH: Tiếng anh chuyên ngành	Nguyễn Quốc Long
BA	8/12/2015	Sáng	CCDCDC58	60		NH: TDPT + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều					
TƯ	9/12/2015	Sáng					
		Chiều	DCTDTM57	60		Tổng kết MH:	 Nguyễn Quốc Long
NHÀM	10/12/2015	Sáng				MH: TDPT + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều	CCDCDC58	60		MH: TDPT + TT	Võ Ngọc Dũng 
SÁU		Sáng					
		Chiều					
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	4/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		Thực tập trực địa phổ thông và trực địa NB	Nguyễn Việt Nghĩa
		Chiều	DC M0KT58A	60		Cơ trạng thiết bị máy thực.	Nguyễn Việt Nghĩa
BA	5/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		Hướng dẫn đo đạc	
		Chiều	DC M0KT58A	60		Hướng dẫn đo đạc	
TU	6/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		nt	
		Chiều	DC M0KT58A	60		nt	
NĂM	7/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		nt	
		Chiều	DC M0KT58A	60		nt	
SÁU	7/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		Hướng dẫn xử lý số liệu	Nguyễn Việt Nghĩa
		Chiều	DC M0KT58A	60		Hướng dẫn xử lý số liệu	Nguyễn Việt Nghĩa
BẢY	9/1/2016	Sáng	DC M0KT58A	60		Bảo vệ thực tập	Nguyễn Việt Nghĩa
		Chiều	DC M0KT58A	60		Bảo vệ thực tập	Nguyễn Việt Nghĩa

Nguyễn Việt Nghĩa

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	15/2/2016	Sáng	DCC TMC 59	60		MH: TĐ Nổ Lò than và xđ Nổ	Lê Văn Cảnh
		Chiều	DCTDTM 57	60		GT Hieu MH: Hỗn học Nổ	Phạm Công Khẩn
BA	16/2/2016	Sáng	DCTDTM 57	60		GT Hieu MH: Dịch động đất đá	Vương Trọng Kha
		Chiều	DCC TDC 59	60		MH: TĐ Phô' Thông + TT	Võ Ngọc Dũng
TƯ	17/2/2016	Sáng	DCC TMD 59	60		MH: TĐ Nổ Lò than và xđ Nổ	Lê Văn Cảnh
		Chiều	DCC TDTM 58	60		MH: TĐ Nổ Lò than và xđ Nổ	Phạm Công Khẩn
NH	18/2/2016	Sáng	DCTDTM 57	60		MH: Dịch động đất đá	Vương Trọng Kha
		Chiều	DCTDTM 57	60		MH: Hỗn học Nổ	Phạm Công Khẩn
SÁU	19/2/2016	Sáng	DCC TDC 59	60		MH: TĐ Phô' Thông + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều	DCTDTM 58	60		MH: TĐ Nổ Lò than + xđ Nổ	Phạm Công Khẩn
BẢY		Sáng					
		Chiều					

I. NHẬT KÝ

THỨ	Ngày Tháng	Thời gian	Lớp, Khóa học	Số sinh viên của 01 nhóm	Trưởng nhóm (ký, ghi rõ họ tên)	Tên bài thí nghiệm	Cán bộ hướng dẫn thí nghiệm (ký, ghi rõ họ tên)
HAI	22/2/2016	Sáng	DCC TMD 59	60		MH: TĐM Lỗ thủng và xé Rỗ	Lê Văn Cảnh
		Chiều	DCTDTM 57	60		MH: Hũn học Rỗ	Phạm Công Khắc
BA	23/2/2016	Sáng	DCTDTM 57	60		MH: Dịch động đất đá	Nguyễn Trọng Khoa
		Chiều	DCC TDC 59	60		MH: TĐ Phế' thông + TT	Võ Ngọc Dũng
TƯ	24/2/2016	Sáng	DCC TMD 59	60		MH: TĐM Lỗ thủng và xé Rỗ	Lê Văn Cảnh
		Chiều	DCTDTM 57	60		MH: TĐM Hãm lỗ thủng + xé Rỗ	Phạm Công Khắc
NĂM	25/2/2016	Sáng	DCTDTM 57	60		MH: Dịch động đất đá	Nguyễn Trọng Khoa
		Chiều	DCTDTM 57	60		MH: Hũn học Rỗ	Phạm Công Khắc
SÁU	26/2/2016	Sáng	DCC TDC 59	60		MH: TĐ Phế' thông + TT	Võ Ngọc Dũng
		Chiều	DCTDTM 58	60		MH: TĐ M Hãm lỗ thủng + xé Rỗ	Phạm Công Khắc
BẢY		Sáng					
		Chiều					